

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HS-ST

Ngày 16/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Đình Lập.

Bà Trương Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Nhường, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn Đức T**, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1992 tại P, V, Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Y, Phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 26-10-2022 bị Đoàn Biên phòng N thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi nhập cảnh trái phép; nhân thân: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 (hai tư) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị bắt, tạm giam từ ngày 18-11-2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Lang Văn T2, sinh năm 1992, nơi cư trú: Bản Cảo, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Lang Văn T3, sinh năm 1975, nơi cư trú: Bản Mòng, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 18 tháng 11 năm 2022, tổ công tác Đồn Biên phòng N đang tuần tra, kiểm soát từ khu vực Mốc 769 đến M thuộc xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện 03 người là Phạm Văn Đức T, sinh năm 1992, trú tại Y, N, M, Hưng Yên; Lang Văn T2, sinh năm 1992, trú tại Bản C, Q, Q, Nghệ An và Lang Văn T3, sinh năm 1975, trú tại Bản M, C, Q, Nghệ An đang đi bộ từ khu vực Mốc 770 vào xóm G, xã K có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra thì cả 03 người đều không có giấy tờ nhập cảnh theo quy định nên tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa ba người về Đồn Biên phòng N để điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra xác định được: Tháng 3-2020, Phạm Văn Đức T đi xe khách từ nhà đến thành phố C rồi đi xe buýt vào thác Bản Giốc thuộc huyện T, tỉnh Cao Bằng, sau đó vượt sông sang Trung Quốc và đi xe khách đến tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc làm thuê tại một xưởng làm gỗ ép. Đến ngày 26-10-2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19 bên Trung Quốc lan rộng nên T theo đường mòn nhập cảnh trái phép về Việt Nam và bị lực lượng tuần tra Đồn Biên phòng N phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Sau khi bị xử phạt, T quay trở về địa phương.

Ngày 10-11-2022, T tiếp tục đi xe khách đến thành phố C rồi đi xe buýt vào thị trấn T, tỉnh Cao Bằng, sau đó thuê xe ôm chở vào khu vực biên giới gần Đồn Biên phòng N và theo đường mòn vượt biên giới sang Trung Quốc đến tỉnh Quảng Tây làm thuê. Do lực lượng chức năng bên phía Trung Quốc truy quét gắt gao nên T cùng Lang Văn T2, Lang Văn T3 rủ nhau trở về Việt Nam. Chiều ngày 17-11-2022, T2 cùng T3 đến điểm hẹn gặp T, sau đó ba người đi chung xe mô tô của T đến biên giới, bỏ lại xe và đi bộ theo đường mòn vượt biên giới về Việt Nam. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18-11-2022, T, T2 và T3 bị tổ công tác Đồn Biên phòng N phát hiện bắt quả tang.

Tại phiên toà, bị cáo Phạm Văn Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 06-02-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 08/CT-VKSCB-P1 truy tố Phạm Văn Đức T về tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*” theo quy định tại Điều 347 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn Đức T về tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*” theo quy định tại Điều 347 của Bộ luật Hình sự là

có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phạm Văn Đức T về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 347; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đức T phạm tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đức T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại OPPO màu xanh bạc.

Trả lại cho Phạm Văn Đ Thuận 01 điện thoại Vivo màu đen, 01 điện thoại Vivo màu đồng đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn Đức T không bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Phạm Văn Đ Thuận không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Phạm Văn Đ T hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 10 giờ 30 phút ngày 18-11-2022 của Đoàn Biên phòng N, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, biên bản mở niêm phong xác định số lượng đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, trích xuất dữ liệu điện tử và niêm phong lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO tạm giữ của Phạm Văn Đức T; phù hợp với lời khai của những người làm chứng Lang Văn T2, Lang Văn T3 là những người đi cùng với T từ Trung Quốc vượt biên giới trái phép vào Việt Nam không có giấy tờ nhập cảnh theo quy định của pháp luật và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 26-10-2022 của Đoàn Biên phòng N đối với bị cáo Phạm Văn Đức T, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Ngày 26-10-2021, Phạm Văn Đức T có hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và bị lực lượng tuần tra Đồn Biên phòng N phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới Quốc gia không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), sau đó T trở về nhà thăm gia đình. Ngày 10-11-2022, T tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê nhưng do lực lượng chức năng ở Trung Quốc truy quét gắt gao nên ngày 17-11-2022, T cùng Lang Văn T2, Lang Văn T3 nhập cảnh trái phép về Việt Nam qua khu vực Mốc 770 thuộc xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Đến khoảng 10 giờ 30 ngày 18-11-2022, T, T2 và T3 bị tổ công tác Đồn Biên phòng N phát hiện bắt quả tang.

Hành vi vi phạm quy định về nhập cảnh của Phạm Văn Đức T đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Phạm Văn Đức T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là không thực hiện việc làm thủ tục, giấy tờ nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo Phạm Văn Đức T đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*” quy định tại Điều 347 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Phạm Văn Đức T về tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*” theo quy định tại Điều 347 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn Đức T có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy nhưng được xóa án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới Quốc gia không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

01 chiếc điện thoại OPPO màu xanh bạc bị cáo sử dụng truy cập vào ứng dụng Google Map để tìm đường nhập cảnh trái phép về Việt Nam nên cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

01 điện thoại Vivo màu đen, 01 điện thoại Vivo màu đồng đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn Đức T** phạm tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*”.

Căn cứ vào Điều 347; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đức T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 18-11-2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại OPPO màu xanh.

Trả lại cho Phạm Văn Đức T: 01 (một) điện thoại VIVO màu đen, 01 (một) điện thoại VIVO màu đồng.

Cả 03 (ba) chiếc điện thoại trên được để trong phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại của Phạm Văn Đức T: 01 điện thoại OPPO màu xanh; 01 điện thoại VIVO màu đen; 01 điện thoại VIVO màu đồng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của cơ quan ANĐT tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 61 ngày 14 tháng 02 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Văn Đức T có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh CB;
- TTG CA tỉnh CB;
- CQANĐT-CA tỉnh CB;
- Phòng HS Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Mã Văn Quân